

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH LỤC  
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28/7/2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con,  
công nợ khi ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LỤC, TỈNH HÀ NAM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Minh Khánh và ông Nguyễn Đức Long.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 07/2022/TLST - HNGĐ ngày 18/4/2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, công nợ khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trịnh Thị Th, sinh năm 1975; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Hồng Q (tên gọi khác Phan Văn Q), sinh năm 1970; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú: Thôn V, xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th - Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Th - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Trịnh Thị Th trình bày ý kiến:

Chị tự nguyện kết hôn với Anh Phan Hồng Q (tên gọi khác Phan Văn Q) ngày 06/6/1995, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận đến tháng 06/2019 thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Q thường xuyên uống rượu say về chửi bới đánh đập chị nhiều lần dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng bị rạn nứt nhưng vì nghĩ đến các con và cũng mong anh Q sẽ thay đổi mà chị vẫn phải cố gắng chịu đựng nhưng anh Q càng ngày càng quá đáng, không chịu sửa đổi bản thân, thường xuyên say rượu về chửi bới đe dọa đánh đập chị khiến chị không thể chịu đựng được nữa. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 4/2021 và chị đã bỏ ra bên ngoài ở riêng để bảo vệ tính mạng, sức khỏe của mình; cũng từ thời gian này đến nay vợ chồng chị sống ly thân mỗi người một nơi không ai còn quan tâm đến ai nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Q là không còn; đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Lục giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phan Hồng Q (tên gọi khác Phan Văn Q).

\* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Hồng Q (tên gọi khác Phan Văn Q) trình bày:

Về thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí như chị Th đã trình bày. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hòa thuận đến khoảng cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Th không còn chung thủy với anh nữa. Anh đã nhiều lần tha thứ và khuyên bảo để chị Th thay đổi nhưng chị Th vẫn chứng nào tật ấy. Cũng kể từ thời gian chị Th đi làm Công ty, chị Th cũng bỏ mặc chồng con để anh phải một mình nuôi con ăn học. Vì thế mà vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 4/2021 và chị Th đã bỏ anh và con lại đi ra ngoài ở riêng. Cũng từ thời gian này đến nay anh chị sống ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị Th là không còn; nhưng chị Th xin ly hôn anh, anh không nhất trí.

- Về con chung: Chị Th, anh Q đều xác định vợ chồng có 03 con chung là cháu Phan Thị Thu Th, sinh ngày 09/10/1995, cháu Phan Ngọc L, sinh ngày 21/02/2000 và cháu Phan Thị Thu H, sinh ngày 25/10/2010. Hiện nay cháu Th và cháu L đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và sống tự lập; anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu H đang ở với anh Q; cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn anh chị đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh Q nuôi dưỡng; chị Th xác định chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H cho anh Q số tiền 1.000.000đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; hiện nay chị đang làm bảo vệ Công ty; thu nhập khoảng 4.000.000đồng/tháng. Anh Q xác định anh yêu cầu chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H cho anh số tiền 2.000.000đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; hiện nay anh đang làm thợ xây thu nhập 200.000đồng/ngày.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Thoa, anh Quân đều không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về đất nông nghiệp trồng cây hàng năm: Chị Th, anh Q đều xác định các cháu Th, L, H không có. Còn chị Th, anh Q mỗi người có 2,4 sào ruộng cấy tiêu

chuẩn tại thôn V, xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam. Ly hôn anh, chị tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về công nợ: Chị Th, anh Q đều xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B số tiền nợ gốc là 23.000.000 đồng và lãi phát sinh. Ly hôn chị Th, anh Q mỗi người xin nhận trả  $\frac{1}{2}$  nợ gốc và lãi phát sinh của số tiền này.

\* Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người được ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức Th - trình bày ý kiến:

Ngày 21/02/2017 Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B đã cho vợ chồng anh Q, chị Th vay số tiền 23.000.000 đồng, lãi 8,25% năm thời hạn vay 06 tháng, mục đích vay sửa chuồng chăn nuôi lợn. Theo thỏa thuận mỗi năm phải trả nợ gốc 01 lần và mỗi lần trả 6.000.000 đồng, tiền lãi trả hàng tháng. Hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/02/2022, được gia hạn nợ đến 21/9/2022 (vay chương trình hộ mới thoát nghèo do anh Q là đại diện hộ gia đình đứng tên vay vốn). Chị Th, anh Q chưa trả nợ gốc, lãi đã trả đến hết ngày 16/4/2022. Tính đến ngày 28/7/2022 vợ chồng anh Q chị Th còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B tổng cộng số nợ gốc 23.000.000 đồng và nợ lãi là 403.907 đồng.

Nếu chị Th, anh Q ly hôn Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B yêu cầu anh Q, chị Th có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi cho Ngân hàng như trên. Trường hợp anh Q, chị Th thỏa thuận mỗi người trả một nửa nợ gốc và lãi phát sinh, Ngân hàng cũng hoàn toàn nhất trí.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Lục có quan điểm: Về tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Bình Lục thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 56, 60, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trịnh Thị Th. Xử cho chị Trịnh Thị Th ly hôn anh Phan Hồng Q (tên gọi khác Phan Văn Q).

2. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Th, anh Q; giao anh Q nuôi dưỡng cháu Phan Thị Thu H, sinh ngày 25/10/2010; chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H cho anh Q số tiền 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

3. Về công nợ: Buộc chị Trịnh Thị Th và anh Phan Hồng Q (tên gọi khác Phan Văn Q) mỗi người có trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$  số tiền nợ gốc và lãi cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch huyện B cụ thể nợ gốc: 11.500.000đồng, nợ lãi 202.000đồng. Tổng cộng 11.702.000 đồng và lãi phát sinh cho đến khi tất toán.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm, án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, án phí về công nợ: Do chị Th và anh Q thuộc hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trịnh Thị Th xin ly hôn anh Phan Hồng Q (tên gọi khác Phan Văn Q), đây là quan hệ pháp luật về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con, công nợ khi ly hôn*” theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Q có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn V, xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Hồng Q (tên gọi khác Phan Văn Q) và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị Th và anh Phan Hồng Q (tên gọi khác Phan Văn Q) kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối hay ép buộc, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện B, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/6/1995 (Quyển số 13), nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Chị Th xác định, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì phát sinh mâu thuẫn; anh Q xác định, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ tháng 4/2021 và chị Th đã bỏ ra ngoài ở riêng; cũng từ thời gian này đến nay anh, chị sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn chị Th xác định là do anh Q thường xuyên uống rượu say xỉn về chửi bới, đánh đập chị; anh Q xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Th không còn chung thủy với anh nữa.

Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng chị Th, anh Q xảy ra đã lâu, đời sống chung của vợ chồng thực tế đã chấm dứt từ tháng 4/2021 đến nay. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2022 anh Q xác định tình cảm anh không còn với chị Th nhưng anh không đồng ý ly hôn. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với

chính quyền địa phương xã Tr thì địa phương cũng có quan điểm việc anh, chị xảy ra mâu thuẫn kéo dài là đúng thực tế và mâu thuẫn của anh chị đã được chính quyền địa phương động viên, hòa giải nhưng anh Q không đồng ý. Hơn nữa anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2021 đến nay nhưng cả hai cũng không có biện pháp gì để hàn gắn mối quan hệ của vợ chồng. Vì vậy chính quyền địa phương đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Lục xem xét, giải quyết vụ án chị Th xin ly hôn anh Q theo quy định của pháp luật để cả hai sớm ổn định cuộc sống. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Th, anh Q đã trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ. Do vậy việc xử cho chị Th ly hôn anh Q là phù hợp với thực tế và quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

**[4]** Về con chung: Chị Th, anh Q đều xác định anh chị có 03 con chung là cháu Phan Thị Thu Th, sinh ngày 09/10/1995, cháu Phan Ngọc L, sinh ngày 21/02/2000 và cháu Phan Thị Thu H, sinh ngày 25/10/2010. Hiện nay cháu Th và cháu L đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và sống tự lập; anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu H đang ở với anh Q; cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Ly hôn anh chị đề nghị Tòa án giao cháu H cho anh Q nuôi dưỡng; chị Th xác định chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H cho anh Q số tiền 1.000.000đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; hiện nay chị đang làm bảo vệ Công ty; thu nhập khoảng 4.000.000đồng/tháng. Anh Q xác định anh yêu cầu chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H cho anh số tiền 2.000.000đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; hiện nay anh đang làm thợ xây, thu nhập 200.000đồng/ngày.

Hội đồng xét xử thấy rằng hiện tại cháu H khỏe mạnh, phát triển bình thường, cháu đang ở ổn định với anh Q. Hơn nữa nguyện vọng của cháu H cũng mong muốn được ở với anh Q. Vì thế việc anh chị thỏa thuận nếu ly hôn đề nghị Tòa án giao cháu Phan Thị Thu H cho anh Q nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh chị giao cháu Phan Thị Thu H, sinh ngày 25/10/2010 cho anh Q nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con chung anh Q yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi cháu H cho anh số tiền 2.000.000đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi nhưng chị Th xác định chị chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi cháu H cho anh Q số tiền 1.000.000đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Tại biên bản làm việc giữa Tòa án với chính quyền địa phương xã Tr thì chính quyền địa phương xác định bình quân nuôi 01 cháu ăn học tại địa phương khoảng từ 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng mỗi tháng. Mặt khác bản thân anh chị đều là cá nhân thuộc hộ nghèo và chị Th hiện là bảo vệ của Công ty với mức lương là 4.000.000đ/tháng ngoài ra chị còn phải chi phí tiền thuê nhà trọ và chi phí sinh hoạt khác nên chỉ buộc chị Th có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi cháu H cùng anh Q là 1.000.000 đồng/tháng, kể từ khi ly hôn cho đến khi cháu Phan Thị Thu H đủ 18 tuổi, việc đóng góp được thực hiện hàng tháng.

[5] Về tài sản riêng, tài sản chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Do chị Th, anh Q đều không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về công nợ: Chị Th, anh Q và Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện B đều xác định chị Th, anh Q còn nợ Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Bình Lục số tiền nợ gốc 23.000.000 đồng, lãi 8,25% năm thời hạn vay 06 tháng và nợ lãi là 403.907 đồng; mục đích vay để sửa chuồng chăn nuôi lợn theo diện hộ nghèo; khoản vay này không có bảo đảm bằng tài sản. Hiện nay chưa trả gốc, lãi đã trả đến hết ngày 16/4/2022. Tính đến ngày 28/7/2022 vợ chồng anh Q, chị Th còn nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện B tổng cộng số nợ gốc 23.000.000 đồng và nợ lãi là 403.907 đồng.

Do chị Th, anh Q tự thỏa thuận mỗi người trả nợ  $\frac{1}{2}$  số nợ gốc và lãi phát sinh đối với phần nợ gốc tương ứng và Ngân hàng nhất trí với sự tự nguyện của anh chị. Do vậy, cần buộc chị Th, anh Q mỗi người có trách nhiệm trả  $\frac{1}{2}$  số nợ gốc và lãi phát sinh đối với phần nợ gốc tương ứng cụ thể chị Th, anh Q mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền nợ gốc là 11.500.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 28/7/2022 là 202.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 29/7/2022 cho đến khi tất toán là phù hợp với thực tế và phù hợp với Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình.

[7] Về án phí ly hôn sơ thẩm, án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, án phí về công nợ: Do chị Th và anh Q là cá nhân thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn nên được miễn án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; áp dụng Điều 37, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 60, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Trịnh Thị Th ly hôn anh Phan Hồng Q (tên gọi khác Phan Văn Q).

2. Về con chung: Chấp sự thỏa thuận của chị Th, anh Q; giao anh Q nuôi dưỡng cháu Phan Thị Thu H, sinh ngày 25/10/2010; chị Th có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H cho anh Q số tiền 1.000.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2022 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi, việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Anh Q cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu Phan Thị Thu H.

**3. Về công nợ:** Buộc chị Th, anh Q mỗi người có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền nợ gốc là 11.500.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 28/7/2022 là 202.000 đồng. Tổng cộng chị Th, anh Q; mỗi người phải trả cho Ngân hàng là 11.702.000 đồng và lãi phát sinh từ ngày 29/7/2022 cho đến khi tất toán.

**4. Về án phí ly hôn sơ thẩm, án phí đối với người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, án phí về công nợ:** Chị Th và anh Q được miễn án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho chị Th biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; báo cho anh Q, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Bình Lục;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Tr, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hằng**